

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 193 như sau:

“1. Ngân hàng Nhà nước quyết định cho vay đặc biệt có tài sản bảo đảm, không có tài sản bảo đảm đối với tổ chức tín dụng trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 192 của Luật này. Tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Lãi suất cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước là 0%/năm.”.

2. Bổ sung các điều 198a, 198b và 198c vào sau Điều 198 như sau:

“Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm

1. Bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm) và quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự;

b) Hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

d) Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản;

đ) Tài sản bảo đảm được thu giữ phải đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ;

e) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.

3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bắt động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây:

a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;

b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm;

c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm;

d) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm.

Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương

thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp.

Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

4. Trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây:

- a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;
- b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm;
- c) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm.

Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp.

Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.

Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm.

6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty

quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng bán nợ; tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc hoặc công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc.

Trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại khoản này không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội.

7. Căn cứ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về trình tự, thủ tục thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm cả quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 198b. Kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu

Tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ bị kê biên, xử lý theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Hợp đồng bảo đảm đã được ký kết và phát sinh hiệu lực sau thời điểm bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;
2. Thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe;
3. Có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Điều 198c. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự

1. Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ nếu hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

2. Việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi được hoàn trả theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.”.

3. Bãi bỏ cụm từ “hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều này” tại khoản 3 Điều 169.

4. Bãi bỏ khoản 4 Điều 169, khoản 4 Điều 172, khoản 5 Điều 179, khoản 7 Điều 183 và khoản 4 Điều 193.

5. Bãi bỏ cụm từ “, 5” tại khoản 4 Điều 180.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

2. Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật này.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Khoản vay đặc biệt của tổ chức tín dụng từ Ngân hàng Nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

a) Các bên tiếp tục thực hiện theo Quyết định cho vay đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ, hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký;

b) Ngân hàng Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã bị kê biên, xử lý theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa xử lý xong thì được tiếp tục áp dụng quy định của pháp luật về thi hành án dân sự để thực hiện.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025.



Trần Thanh Mẫn